

BẢN SA

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VIỆT HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2012
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**



NỘI DUNG

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2 - 3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán

5 - 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7 - 8

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

9

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Việt Hà là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 495/QĐ-UB ngày 26 tháng 01 năm 1993 của UBND Thành phố Hà Nội, Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty mẹ - Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà thành Công ty TNHH Một thành viên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2010 và thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 09 năm 2012, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thương mại Dịch vụ.
- Sản xuất Công nghiệp thực phẩm.
- Liên doanh liên kết.

Trụ sở chính của Công ty tại số 254 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 398.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc

Văn Phòng Công ty	254 - Minh Khai - TP Hà Nội
Xí nghiệp sản xuất nước opal	300 đường Trường Chinh - TP Nam Định
Xí nghiệp Đay	Đường Lĩnh Nam - TP Hà Nội

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên:

Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Chủ tịch Hội đồng thành viên
Ông Vương Đỗ Hải	Thành viên
Bà Trịnh Thị Hoán	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Tổng Giám đốc
Ông Doãn Thịnh Đạt	Phó Tổng Giám đốc

Bà Trần Phi Phượng

Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Kim Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC là đơn vị thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

Kiểm toán viên không có bất kỳ quan hệ kinh tế hoặc quyền lợi kinh tế như góp vốn cổ phần, cho vay hoặc vay vốn từ khách hàng, là cổ đông chi phối của khách hàng hoặc ký kết hợp đồng gia công dịch vụ, đại lý tiêu thụ hàng hóa...

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và cam kết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong những năm tới.

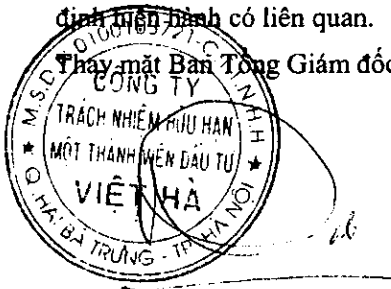
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền, hàng tồn kho, công nợ phải thu phải trả, tài sản cố định tại ngày 31/12/2012 trên Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Doãn Thịnh Đạt
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Số: 041/BCKT/AVINA-IAFC/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty TNHH MTV Đầu Tư Việt Hà

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà**

Chúng tôi, Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC, đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà được lập ngày 25/03/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

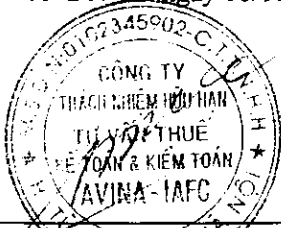
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý về kế toán có liên quan.

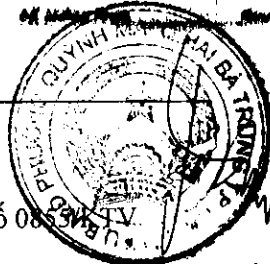
Thay vì đưa ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo:

Số liệu tài chính của Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật Hà Nội (Xí nghiệp Đay) được sáp nhập vào Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà (nay là Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Việt Hà) theo quyết định số 7955/QĐ-UB ngày 06/12/2005 của UBND thành phố Hà Nội. Số liệu được lấy theo Biên bản bàn giao ngày 28 tháng 09 năm 2006 giữa các Sở, Ban ngành của Thành phố Hà Nội và Công ty Sản xuất kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà. Khoản công nợ vay của Ngân hàng Ngoại thương Hà Nội theo giấy xác nhận số dư ngân hàng tại ngày 31/12/2002 là 541.518,53 USD chưa được thể hiện trên Sổ kế toán và Báo cáo tài chính của Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật Hà Nội (Xí nghiệp Đay). Khoản nợ vay trên cũng xảy ra trước khi Xí nghiệp Đay được sáp nhập vào Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà và được UBND Thành phố Hà Nội Bảo lãnh tại Văn bản số 4866/ĐN-UB ngày 10/11/2008. **CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**



Ngày: 27-11-2015

0744 02



Ong Thế Đức
Phó Giám đốc

Phạm Tuấn Vũ
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0853/01

PHÓ CHỦ TỊCH Chứng chỉ kiểm toán viên số 2030/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IAFC

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		94.689.443.487	95.685.825.910
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	24.169.500.898	33.372.990.848
1. Tiền	111		5.169.500.898	7.472.990.848
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.000.000.000	25.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu	130		54.526.166.453	42.199.517.983
1. Phải thu của khách hàng	131		5.369.186.125	3.519.006.003
2. Trả trước cho người bán	132		11.755.328.127	7.917.633.409
3. Các khoản phải thu khác	138	V.02	37.504.387.771	30.865.614.141
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(102.735.570)	(102.735.570)
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	8.103.051.993	13.235.387.318
1. Hàng tồn kho	141		8.103.051.993	13.235.387.318
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.890.724.143	6.877.929.761
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.856.177.870	68.459.926
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	1.541.964.529	1.523.646.064
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	4.492.581.744	5.285.823.771
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		378.724.725.331	377.347.461.737
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		46.814.517.348	51.581.994.778
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	41.113.973.286	44.350.866.072
- Nguyên giá	222		72.304.897.148	72.512.211.607
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(31.190.923.862)	(28.161.345.535)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	246.460.672	369.691.000
- Nguyên giá	228		369.691.000	369.691.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(123.230.328)	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	5.454.083.390	6.861.437.706
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	313.309.087.972	315.959.087.972
1. Đầu tư vào công ty con	251		45.445.900.000	45.445.900.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		258.616.687.972	241.366.687.972
3. Đầu tư dài hạn khác	258		9.246.500.000	29.146.500.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.601.120.011	9.806.378.987
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	18.601.120.011	9.806.378.987
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		473.414.168.818	473.033.287.647

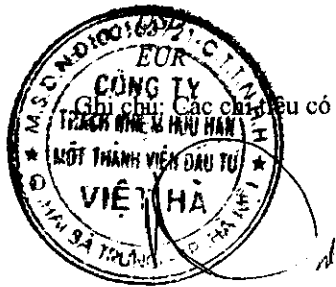
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		51.919.354.043	51.973.958.072
I. Nợ ngắn hạn	310		41.913.680.589	42.779.133.816
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312		6.693.775.043	7.852.566.808
3. Người mua trả tiền trước	313		181.695.934	676.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	1.305.488.483	967.706.777
5. Phải trả người lao động	315		700.000	
6. Chi phí phải trả	316	V.12	1.640.153.045	2.951.369.382
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	31.589.628.835	30.902.751.884
8. Quỹ dự khen thưởng, phúc lợi	323		502.239.249	104.062.965
II. Nợ dài hạn	330		10.005.673.454	9.194.824.256
1. Phải trả dài hạn khác	333		9.535.558.000	9.045.548.000
2. Vay và nợ dài hạn	334			
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			149.276.256
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		421.494.814.775	421.059.329.575
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	421.494.814.775	421.059.329.575
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		352.803.064.017	352.803.064.017
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.008.582.496	19.008.582.496
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		19.052.171.015	18.252.705.911
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		28.845.648.448	29.209.628.352
5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		1.785.348.799	1.785.348.799
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		473.414.168.818	473.033.287.647

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Ngoại tệ các loại	007		6.789,82	6.782,98
			3,27	3,27



Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc ()

Doãn Thịnh Đạt
 Phó Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Đặng Trần Kiên
 Kế toán trưởng

Người lập biểu

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	231.313.238.446	79.188.003.221
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.16	9.690.390.038	16.825.491.419
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.17	221.622.848.408	62.362.511.802
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	163.876.074.256	45.200.943.095
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57.746.774.152	17.161.568.707
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	34.133.266.977	38.438.551.791
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	1.596.095.001	394.229.826
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24		66.501.800.532	29.139.620.175
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.262.850.815	18.348.038.020
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		519.294.781	7.718.232.477
11. Thu nhập khác	31	VI.21	3.460.058.924	3.279.242.023
12. Chi phí khác	32	VI.22	2.722.550.537	3.002.823.460
13. Lợi nhuận khác	40		737.508.387	276.418.563
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.256.803.168	7.994.651.040
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.256.803.168	7.994.651.040



Doãn Thịnh Đạt
 Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Dặng Trần Kiên
 Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Tuấn
 Người lập biểu

Mẫu số 02B - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

II. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách

Số TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số còn phải nộp cuối kỳ
				Số phải nộp	Số đã nộp	
A	B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
1	Thuế	10	(555.939.287)	14.651.980.159	14.332.516.918	(236.476.046)
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	43.403.084	2.276.285.064	2.338.006.613	(18.318.465)
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	757.064.129	757.064.129	-
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	909.621.342	8.173.377.046	9.082.998.388	-
4	Thuế xuất nhập khẩu	14	-	360.506.729	360.506.729	-
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	(1.523.646.064)			(1.523.646.064)
6	Thuế tài nguyên	16	301.000	2.700.289	3.001.289	-
7	Thuế nhà đất	17	-	28.062.720	3.822.588	24.240.132
8	Tiền thuê đất	18		2.040.183.700	773.941.000	1.266.242.700
9	Các loại thuế khác trong đó:	19	14.381.351	1.013.800.482	1.013.176.182	15.005.651
	- Thuế môn bài			4.000.000	4.000.000	-
	- Thuế thu nhập cá nhân		14.381.351	1.009.800.482	1.009.176.182	15.005.651
II	Các khoản phải nộp khác	30	-	-	-	-
1	Các khoản phụ thu	31				
2	Các khoản phí, lệ phí	32				
3	Các khoản khác	33	-	-	-	-
	- Thu điều tiết					
	- Các khoản nộp phạt					
	- Nộp khác					
	Tổng cộng	40	(555.939.287)	14.651.980.159	14.332.516.918	(236.476.046)



Doãn Thịnh Đạt
 Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

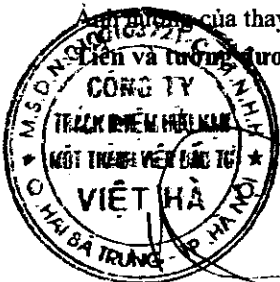
Đặng Trần Kiên
 Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Tuấn
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	250.027.325.318	92.959.177.810
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(237.684.707.278)	(69.719.614.962)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.647.668.474)	(23.201.299.160)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.231.334.617	19.293.552.222
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(41.932.707.698)	(46.753.725.382)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(39.006.423.515)	(27.421.909.472)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(929.155.534)	(849.416.807)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	306.363.637	46.307.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	14.928.758.019	7.000.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.150.000.000)	
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	23.192.000.000	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.454.967.443	24.241.889.426
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	29.802.933.565	30.438.780.346
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.367.311.957
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.367.311.957
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(9.203.489.950)	5.384.182.831
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	33.372.990.848	27.988.808.017
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Liên và tương đương tiền cuối kỳ	70	24.169.500.898	33.372.990.848



Doãn Thịnh Đạt
 Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Đặng Trần Kiên
 Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Tuấn
 Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Việt Hà là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 495/QĐ-UB ngày 26 tháng 01 năm 1993 của UBND Thành phố Hà Nội, Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty mẹ - Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà thành Công ty TNHH Một thành viên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 11 năm 2010 và thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại số 254 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 398.000.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

- Thương mại Dịch vụ.
- Sản xuất Công nghiệp thực phẩm.
- Liên doanh liên kết.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Đại lý bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Kinh doanh thiết bị trường học;
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng bệnh viện;
- Bán buôn dược phẩm;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Lập dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm lập dự toán, tổng dự toán và chi phí đầu tư xây dựng công trình);
- Kinh doanh bất động sản;
- Trang trí nội thất;
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng kinh doanh;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất mỹ phẩm (trừ các loại mỹ phẩm gây hại cho sức khỏe con người);
- Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Lữ hành nội địa; Lữ hành quốc tế;
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất bao bì từ plastic;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại nhà nước cấm);
- Sản xuất chế biến thực phẩm;
- Bán lẻ hình thức;
- Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn đồ uống;
- Sản xuất đồ uống.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi có liên quan. Ngày 31/12/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính trong Thông tư này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành phù hợp với hoạt động của Doanh nghiệp. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

1.1. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2012.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán doanh thu hoặc chi phí tài chính

1.2. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo được ghi nhận là khoản tương đương tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc theo bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực giao của UBND Thành phố Hà Nội.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

10.1. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn

thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2012	01/01/2012
1 . Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt tại quỹ	1.645.522.101	1.225.335.575
Tiền gửi ngân hàng	3.523.978.797	6.247.655.273
Các khoản tương đương tiền (*)	19.000.000.000	25.900.000.000
Cộng	24.169.500.898	33.372.990.848
(*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng		
2 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia:	23.859.495.524	19.956.997.000
- Phải thu tiền cổ tức Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	16.800.000.000	16.800.000.000
- Phải thu tiền cổ tức Công ty CP Bánh mứt kẹo Hà Nội		-
- Phải thu tiền cổ tức Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	3.650.975.000	1.484.997.000
- Phải thu tiền cổ tức Công ty CP Giấy Ngọc Hà	887.740.764	-
- Phải thu tiền cổ tức Công ty CP Dược phẩm Hà Nội	-	1.672.000.000
- Phải thu tiền lợi nhuận Công ty TNHH Crow Hà Nội	2.520.779.760	-
Phải thu khác:	13.644.892.247	10.908.617.141
- Phải thu Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	631.168.409	-
- Phải thu Xi nghiệp bao đay Đại Thắng	516.527.000	610.577.000
- Phải thu Công ty TNHH Thương mại vật tư khoa học kỹ thuật	2.980.722.000	2.980.722.000
- Phải thu Công ty TNHH Thương mại kỹ thuật Hồng Sơn	518.181.818	518.181.818
- Phải thu Công ty TNHH VNT	3.498.000.000	3.498.000.000
- Phải thu DNTN XN Cơ khí Long Quân	1.702.500.000	1.702.500.000
- Phải thu khác	3.797.793.020	1.598.636.323
Cộng	37.504.387.771	30.865.614.141
3 . Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	6.279.727.386	1.913.655.625
Công cụ, dụng cụ	348.768.325	234.271.360
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	88.314.942	3.395.158.096
Thành phẩm	137.567.973	158.261.210
Hàng hóa	1.050.346.361	7.351.277.456
Hàng gửi đi bán	198.327.006	182.763.571
Cộng	8.103.051.993	13.235.387.318
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	8.103.051.993	13.235.387.318
4 . Thuế và các khoản phải thu nhà nước		
Thuế thu GTGT hàng bán nộp thừa	18.318.465	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.523.646.064	1.523.646.064
Cộng	1.541.964.529	1.523.646.064

5 . Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Tạm ứng	4.492.581.744	5.285.823.771
Cộng	4.492.581.744	5.285.823.771

6 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Chi tiết tại phụ lục số 01)

7 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm		369.691.000		369.691.000
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	369.691.000	-	369.691.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm		-		-
Số tăng trong năm	-	123.230.328	-	123.230.328
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>		123.230.328		123.230.328
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	-	123.230.328	-	123.230.328
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	369.691.000	-	369.691.000
Tại ngày cuối năm	-	246.460.672	-	246.460.672

8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2012	01/01/2012
Xây dựng cơ bản dở dang:	5.454.083.390	6.861.437.706
- Dự án Nhà sản xuất Dấm 39 Ngô Quỳnh	-	1.346.172.498
- Dự án xây dựng tại 79 Ngọc Khánh	875.556.454	875.556.454
- Dự án cải tạo Nhà máy Bia tại 254 Minh Khai	-	61.181.818
- Dự án xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Yên Phong	4.260.799.663	4.260.799.663
- Dự án vườn sinh thái Việt Hà (Lương Sơn - Hoà Bình)	317.727.273	317.727.273
Cộng	5.454.083.390	6.861.437.706

9 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
9.1. Đầu tư vào công ty con		45.445.900.000		45.445.900.000
- Công ty CP Bánh mứt kẹo Hà Nội	892.500	8.925.000.000	892.500	8.925.000.000
- Công ty CP Tràng An	1.149.100	11.491.000.000	1.149.100	11.491.000.000
- Công ty CP Đầu tư và XD Việt Hà	1.860.390	18.603.900.000	1.860.390	18.603.900.000
- Công ty CP Dược phẩm và Thiết bị Y tế Hà Nội	642.600	6.426.000.000	642.600	6.426.000.000

9.2. Đầu tư vào công ty liên doanh		128.594.687.972		128.594.687.972
- Công ty Liên doanh Nhà máy bia Đông Nam Á		85.081.887.972		85.081.887.972
- Công ty Liên doanh IBD		6.248.800.000		6.248.800.000
- Công ty Liên doanh TNHH Crow Hà Nội		37.264.000.000		37.264.000.000
9.3. Đầu tư vào công ty liên kết		130.022.000.000		112.772.000.000
- Công ty CP Giấy Ngọc Hà	557.200	5.572.000.000	557.200	5.572.000.000
- Công ty CP Dược phẩm Hà Nội	836.000	8.360.000.000	836.000	8.360.000.000
- Công ty CP Bia và NGK Việt Hà	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
- Công ty CP Đồng Tháp (*)	354.000	3.540.000.000	634.000	6.340.000.000
- Công ty CP Rượu Quốc Tế (*)	3.255.000	32.550.000.000	1.250.000	12.500.000.000

(*) Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư:

- Góp vốn vào Công ty CP Rượu Quốc tế theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần rượu Quốc tế ngày 10/04/2012.

- Giảm vốn tại Công ty CP Đồng Tháp theo Quyết định số 6408/QĐ-UBND ngày 29/12/2010 của UBND Thành phố Hà Nội v/v cho phép bán đấu giá 634.000 cổ phần Nhà nước do Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà quản lý tại Công ty CP Đồng Tháp.

9.4. Đầu tư dài hạn khác		9.246.500.000		29.146.500.000
- Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	411.650	4.116.500.000	411.650	4.116.500.000
- Quỹ thành viên Vietcombank (*)		5.000.000.000		25.000.000.000
- Công ty CP DL Khai khoáng Bắc Kạn	3.000	30.000.000	3.000	30.000.000
- Công ty CP Đô thị sinh thái Vân Nội (*)	10.000	100.000.000		-
Cộng		313.309.087.972		315.959.087.972

(*) Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư:

- Giảm vốn tại Quỹ thành viên Vietcombank theo thông báo số 5912/VCBF ngày 01/11/2012 của Công ty Liên doanh Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank.

- Góp vốn vào Công ty CP Đô thị sinh thái Vân Nội theo thông báo TB-VANNOI tháng 3/2012 v/v góp vốn thành lập Công ty.

10. Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2012	01/01/2012
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ		12.823.130.105	7.391.511.520
Chi phí đào tạo, quảng cáo		4.172.620.474	1.053.535.554
Chi phí lắp đặt nhà khung		40.025.635	108.668.627
Chi phí trả trước dài hạn khác		1.565.343.797	1.252.663.286
Cộng		18.601.120.011	9.806.378.987
11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		31/12/2012	01/01/2012
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp		-	43.403.084
Thuế tiêu thụ đặc biệt		-	909.621.342
Thuế thu nhập cá nhân		15.005.651	14.381.351
Tiền thuê đất, thuế nhà đất		1.290.482.832	-
Các loại thuế khác		-	301.000
Cộng		1.305.488.483	967.706.777

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	31/12/2012	01/01/2012
12 . Chi phí phải trả		
Chi phí phải trả khác	1.640.153.045	2.951.369.382
Cộng	1.640.153.045	2.951.369.382
13 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	140.318.632	86.381.031
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	340.774.414	-
Bảo hiểm thất nghiệp	159.762.321	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	30.948.773.468	30.816.370.853
- Phải trả Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	301.903.138	-
- Phải trả Công ty CP Sông Đà Thăng Long	6.000.000.000	6.000.000.000
- Phải trả Công ty CP Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam	23.568.456.335	23.568.456.335
- Phải trả Nhà máy Bia Đông Nam Á	-	488.820.473
- Phải trả Xí nghiệp bao đay Đại Thăng	611.177.000	611.177.000
- Phải trả khác	467.236.995	147.917.045
Cộng	31.589.628.835	30.902.751.884

14 . Vốn chủ sở hữu

14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Xem phụ lục số 02)

14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012	01/01/2012
Vốn góp của Nhà nước	352.803.064.017	352.803.064.017
Vốn góp của các đối tượng khác		
Cộng	352.803.064.017	352.803.064.017

14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận.

	Năm 2012	Năm 2011
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	352.803.064.017	313.171.752.060
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	39.631.311.957
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	352.803.064.017	352.803.064.017

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

15 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	231.313.238.446	79.188.003.221
Cộng	231.313.238.446	79.188.003.221

	Năm 2012	Năm 2011
16 . Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	1.517.012.992	1.034.456.599
Thuế TTĐB	8.173.377.046	15.791.034.820
Cộng	9.690.390.038	16.825.491.419
17 . Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	221.622.848.408	62.362.511.802
Cộng	221.622.848.408	62.362.511.802
18 . Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	163.876.074.256	45.200.943.095
Cộng	163.876.074.256	45.200.943.095
19 . Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.775.681.550	2.283.765.402
Cổ tức, lợi nhuận được chia	29.581.784.417	33.949.195.024
Lợi nhuận từ chuyển nhượng vốn	392.000.000	-
Thù lao HĐQT, BKS các đơn vị thành viên	530.273.846	-
Bán quyền nhãn hiệu Nhà máy Bia	1.669.200.000	1.681.680.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	184.327.164	523.911.365
Cộng	34.133.266.977	38.438.551.791
20 . Chi phí tài chính		
Khấu hao cho thuê tài chính	50.573.111	110.990.826
Chi phụ cấp Ban kiểm soát, HĐQT	1.156.000.000	-
Chi phí thẩm định giá cổ phần	129.090.909	-
Chi phí bán quyền nhãn hiệu hàng hóa	189.189.000	189.189.000
Chi phí tài chính khác	71.241.981	94.050.000
Cộng	1.596.095.001	394.229.826
21 . Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản	306.363.637	-
Thu nhập từ bồi thường, thu hồi đất 39 Ngõ Quỳnh	1.872.602.711	-
Thu nhập từ hỗ trợ khách hàng	-	323.098.000
Thu nhập từ công cụ dụng cụ đồ dùng bán hàng	1.122.394.852	2.693.029.560
Hoàn nhập trích trước may đồng phục	-	110.000.000
Thu nhập khác	158.697.724	153.114.463
Cộng	3.460.058.924	3.279.242.023
22 . Chi phí khác		
Chi phí bán vật tư, công cụ dụng cụ	1.260.931.675	-
Chi phí dự án 39 Ngõ Quỳnh	1.367.568.862	-
Chi phí CCDC, đồ dùng bán hàng năm 2009	-	3.002.823.460
Chi phí khác	94.050.000	-
Cộng	2.722.550.537	3.002.823.460

23 . Chi phí sản xuất theo yếu tố	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.879.212.201	28.040.801.123
Chi phí nhân công	24.964.073.914	19.766.751.702
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.289.278.648	3.942.727.310
Thuế, phí, lệ phí	34.763.009	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.084.210.327	13.763.471.480
Chi phí khác bằng tiền	18.585.377.546	8.997.081.462
Cộng	103.836.915.645	74.510.833.077

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

I . Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên có liên quan chủ yếu như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị giao dịch (đ)</u>
Giao dịch mua			
Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội	Công ty con	Mua bánh kẹo	272.862.098
Công ty Cổ phần Tráng An	Công ty con	Mua bánh kẹo	46.215.035
Công ty Liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á	Công ty Liên doanh	Mua bia	40.500.000
Công ty Liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á	Công ty Liên doanh	Kinh phí KCB	71.220.610
Công ty Liên doanh IBD	Công ty Liên doanh	Mua bia	203.181.818
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết	Mua vật tư, CCDC	6.274.045.273
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết	Mua bia	132.157.052.306
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết	Chi phí thuê keg, sơn keg, bảo quản bia	32.334.367.371
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết	Chi phí CCDC bán hàng, quảng cáo	2.159.155.632
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết	Chi phí lương và các khoản trích theo lương bộ phận bán hàng	3.619.886.983
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Công ty liên kết	Mua rượu	1.334.160.302

Giao dịch bán			
Công ty Cổ phần Bánh mì kẹo Hà Nội	Công ty con	Doanh thu bán nước Opal	26.980.001
Công ty Cổ phần Bánh mì kẹo Hà Nội	Công ty con	Cổ tức được chia năm 2010, 2011	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Tràng An	Công ty con	Doanh thu bán nước Opal	709.091
Công ty Cổ phần Tràng An	Công ty con	Cổ tức được chia năm 2011	1.723.650.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	Công ty con	Doanh thu bán nước Opal	909.092
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	Công ty con	Cổ tức được chia năm 2010, 2011	4.654.298.000
Công ty Liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á	Công ty Liên doanh	Doanh thu bán quyền nhãn hiệu hàng hóa	1.669.200.000
Công ty Liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á	Công ty Liên doanh	Doanh thu bán nước Opal	8.413.635
Công ty Liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á	Công ty Liên doanh	Lợi nhuận được chia năm 2009	2.138.000.000
Công ty Liên doanh IBD	Công ty Liên doanh	Doanh thu bán nước Opal	4.430.001
Công ty Liên doanh IBD	Công ty Liên doanh	Lợi nhuận được chia năm 2009	10.278.800.000
Công ty TNHH Crow Hà Nội	Công ty Liên doanh	Lợi nhuận được chia năm 2011	2.520.779.760
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết	Doanh thu bán nước Opal, cho thuê keg	416.734.112
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Công ty liên kết	Doanh thu bán nước Opal, thu nhập tư thanh lý	4.545.456
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Công ty liên kết	Doanh thu bán nước Opal	4.909.091
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Công ty liên kết	Cổ tức được chia năm 2010, 2011	1.770.256.657
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Công ty liên kết	Cổ tức được chia năm 2011, 2012	2.926.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	Công ty đầu tư khác	Doanh thu bán nước Opal	1.441.819

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên có liên quan như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị khoản phải thu (+)/phải trả (-)</u>
Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội	Công ty con	Phải thu khách hàng - Tiền nước Opal	37.648.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	Công ty con	Phải thu khác - Tiền cổ tức	3.650.975.000
Công ty Liên doanh Nhà máy Bia Đông Nam Á	Công ty Liên doanh	Phải thu khách hàng - Tiền nước, bản quyền nhãn hiệu hàng hóa	1.833.453.835
Công ty Liên doanh IBD	Công ty Liên doanh	Phải thu khách hàng - Tiền nước Opal	8.100.000
Công ty TNHH Crow Hà Nội	Công ty Liên doanh	Phải thu khác - Tiền lợi nhuận được chia năm 2011	2.520.779.760
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết	Phải thu khác - Tiền cổ tức	16.800.000.000
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết	Phải thu khác	631.168.409
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết	Phải trả người bán - Tiền hàng, cung cấp dịch vụ	(6.199.402.778)
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết	Phải trả khác - Tiền lương và các khoản trích theo lương bộ phận bán hàng	(301.903.138)
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng - Tiền hàng	4.250.000
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Công ty liên kết	Trả trước cho người bán - Tiền hàng	5.956.487.752
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng - Tiền nước Opal	3.300.000
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Công ty liên kết	Phải thu khác - Tiền cổ tức năm 2011	887.740.764

2 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC.



Doãn Thịnh Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Đặng Trần Kiên

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Tuấn

Người lập biểu

Phụ lục số 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị ĐCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	22.381.337.626	37.662.378.822	7.494.723.717	4.973.771.442		72.512.211.607
Số tăng trong năm	696.152.079	133.568.000	-	99.435.455	-	929.155.534
- <i>Mua trong năm</i>		133.568.000		99.435.455		233.003.455
- <i>Đầu tư XD/CB hoàn thành</i>	696.152.079					696.152.079
Số giảm trong năm	-	6.127.300	1.130.342.693	-	-	1.136.469.993
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>		6.127.300	1.130.342.693			1.136.469.993
Số dư cuối năm	23.077.489.705	37.789.819.522	6.364.381.024	5.073.206.897	-	72.304.897.148
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	5.904.231.257	15.519.939.050	4.227.587.668	2.509.587.560		28.161.345.535
Số tăng trong năm	842.659.579	2.018.506.595	808.840.572	496.041.574	-	4.166.048.320
- <i>Kiểm hao trong năm</i>	842.659.579	2.018.506.595	808.840.572	496.041.574		4.166.048.320
Số giảm trong năm	-	6.127.300	1.130.342.693	-	-	1.136.469.993
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>		6.127.300	1.130.342.693			1.136.469.993
Số dư cuối năm	6.746.890.836	17.532.318.345	3.906.085.547	3.005.629.134	-	31.190.923.862
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	16.477.106.369	22.142.439.772	3.267.136.049	2.464.183.882	-	44.350.866.072
Tại ngày cuối năm	16.330.598.869	20.257.501.177	2.458.295.477	2.067.577.763	-	41.113.973.286

Phụ lục số 02: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	313.171.752.060	19.008.582.496	15.419.604.048	1.785.348.799	28.331.018.631	377.716.306.034
Tăng vốn trong năm	39.631.311.957	-	-	-	7.994.651.040	39.631.311.957
Lãi trong năm trước	-	-	2.833.101.863	-	-	2.833.101.863
Trích lập các quỹ từ LN sau thuế	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ từ LN sau thuế	-	-	-	-	7.116.041.319	7.116.041.319
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	352.803.064.017	19.008.582.496	18.252.705.911	1.785.348.799	29.209.628.352	421.059.329.575
Tăng vốn trong năm	-	-	799.465.104	-	-	799.465.104
Trích lập các quỹ từ LN sau thuế	-	-	-	-	1.256.803.168	1.256.803.168
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	2.776.275.000	2.776.275.000
Tăng khác (*)	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	-	4.397.058.072	4.397.058.072
Số dư cuối năm nay	352.803.064.017	19.008.582.496	19.052.171.015	1.785.348.799	28.845.648.448	421.494.814.775

(*) Tăng theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước.

(**) Phân phối lợi nhuận 2011

Trích quỹ dự phòng tài chính

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi

Cộng

(***) Trong năm 2012, Công ty tạm thời chưa phân phối lợi nhuận. Lợi nhuận chưa phân phối còn lại các năm trước để lại chờ tăng vốn chủ sở hữu.

